

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 12 – 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 07/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị H, sinh năm 1992;

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Bản Na Ó, Xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh T(chị H có đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Tòng Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 19/03/2011. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì gần đây giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị và anh T hiện đã sống ly thân nhau được khoảng 03 năm

nay, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị giữ nguyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Hoàng Đình T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Hạ B, sinh ngày 22/9/2012 và Hoàng Đình Anh K, sinh ngày 11/01/2015 hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh T. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi dưỡng cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tại bản tự khai ngày 27/10/2022 anh T cho biết: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 19/03/2011. Quá trình chung sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì lớn, đôi khi hai vợ chồng có cãi nhau liên quan đến vấn đề nuôi dạy con chung. Từ khoảng 14/10/2020 đến nay thì chị H tự ý bỏ đi mà anh không rõ lý do chị H bỏ đi là gì. Hai vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, chị H chủ động cắt hết liên lạc, anh cũng có lên nhà bố mẹ đẻ chị H tìm để thuyết phục chị H về nhưng chị H không có ở nhà bố mẹ đẻ. Nay chị H có đơn xin ly hôn tại Tòa án, nguyện vọng của anh không muốn vợ chồng ly hôn, mong muốn đoàn tụ để các con có đủ cả bố và mẹ, vì vậy không đồng ý ly hôn với chị H. Trường hợp chị H mà kiên quyết xin ly hôn, không muốn đoàn tụ thì quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn vì hôn nhân phải xuất phát từ hai phía.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Hạ B, sinh ngày 22/9/2012 và Hoàng Đình Anh K, sinh ngày 11/01/2015 hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh ở xã T, huyện Y. Anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Hạ B, sinh ngày 22/9/2012 và Hoàng Đình Anh K, sinh ngày 11/01/2015 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng bố là anh Hoàng Đình T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị

H có mặt, anh T vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh T mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H và anh Hoàng Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù không muốn ly hôn, muốn được đoàn tụ nhưng khi đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh T lại vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị H nữa. Chị H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh T nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không

đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Hạ B, sinh ngày 22/9/2012 và Hoàng Đình Anh K, sinh ngày 11/01/2015 hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh T tại xã T, huyện Y. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, anh T và chị H thống nhất việc để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, hơn nữa nguyện vọng của các cháu cũng mong muốn được ở cùng với anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu B, cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Tòng Thị H và anh Hoàng Đình T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung cháu Hoàng Thị Hạ B, sinh ngày 22/9/2012 và Hoàng Đình Anh K, sinh ngày 11/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Tòng Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003763, ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Tòng Thị H và anh Hoàng Đình T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm